

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia

Ngày 31/12/2025	14,250 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-

DT thuần Q4/25	273
tỷ VNĐ	
QoQ: ▲ 103 60.6%	
YoY: ▲ 110 67.5%	

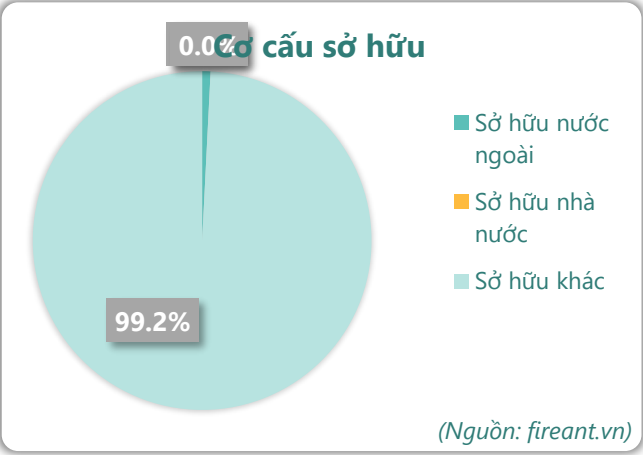
LN thuần Q4/25	85.2
tỷ VNĐ	
QoQ: ▼55.8 -39.6%	
YoY: ▲ 144 244%	

LN sau thuế Q4/25	179
tỷ VNĐ	
QoQ: ▲ 70.0 64.5%	
YoY: ▲ 158 750%	

Tỷ suất lãi EBIT 2025	57.3%
YoY: +/-▲ 34.8%	

ROE 2025	11.4%
YoY: +/-▲ 1.5%	

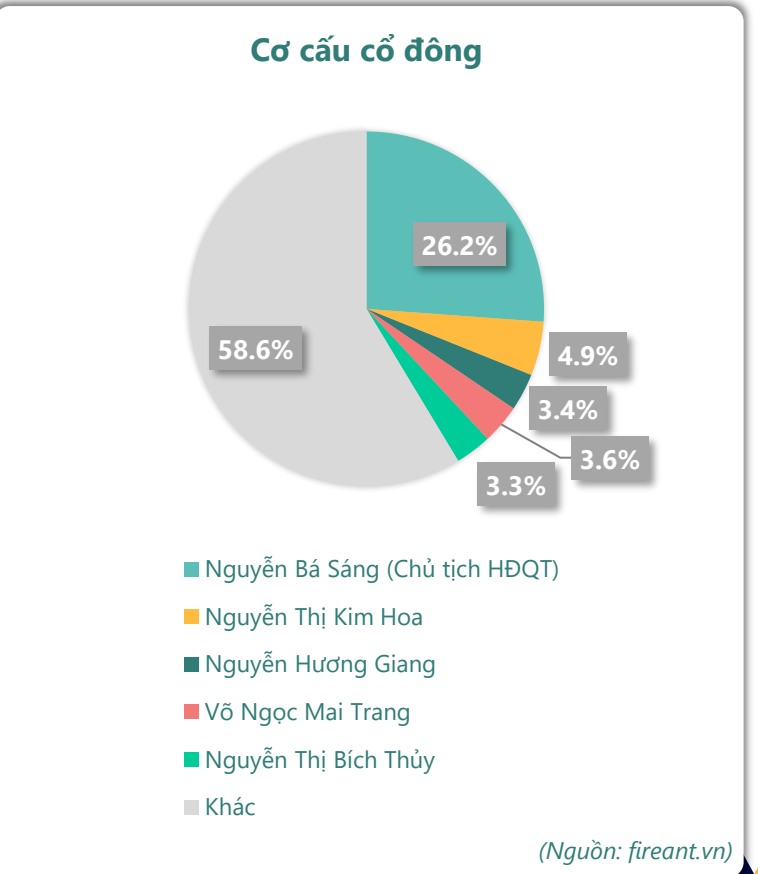
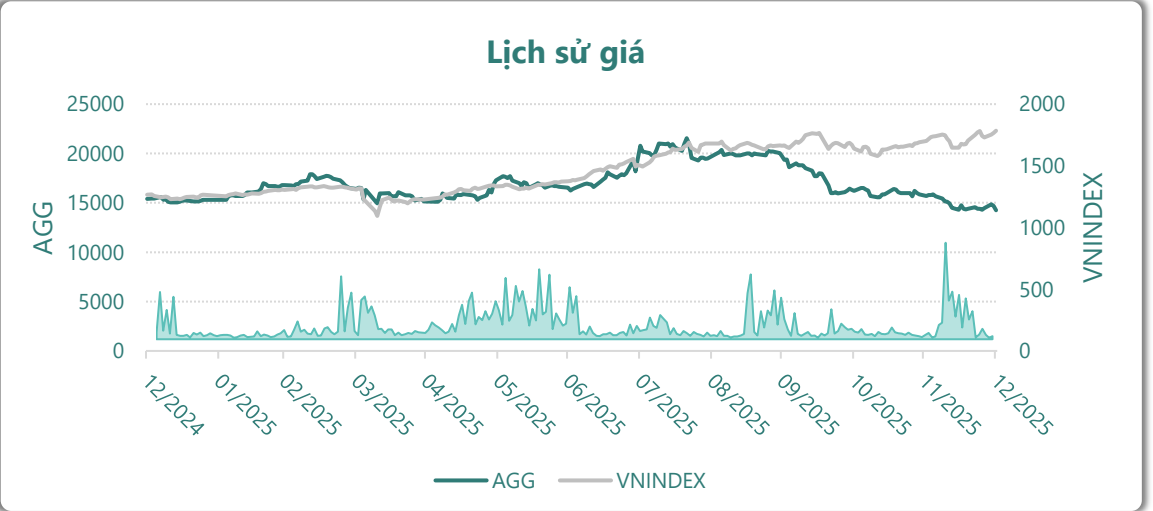
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	14,250 - 21,550
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,316
Số lượng CPLH (CP)	162,528,081
KLGD BQ 20 phiên (CP)	842,809
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.77
EPS	2,333
P/E	6.1



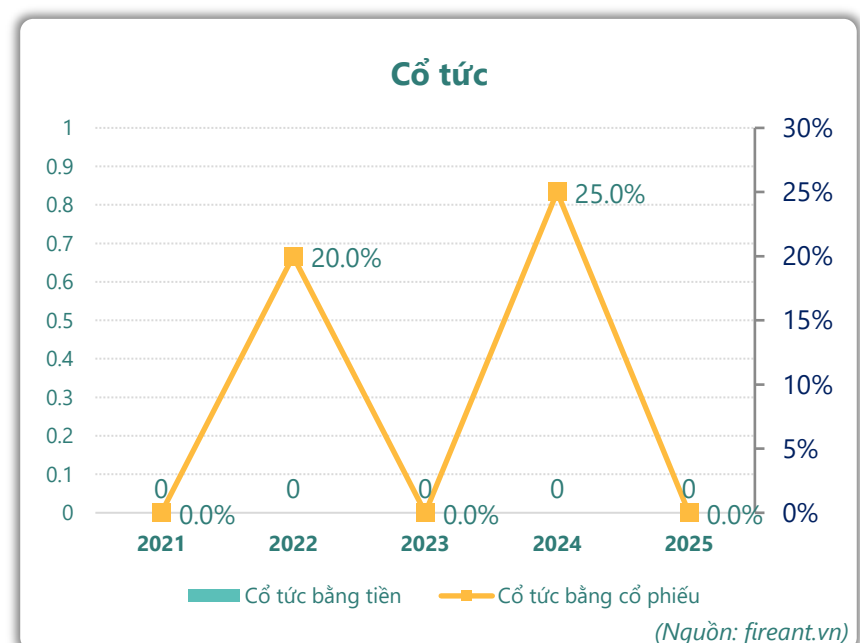
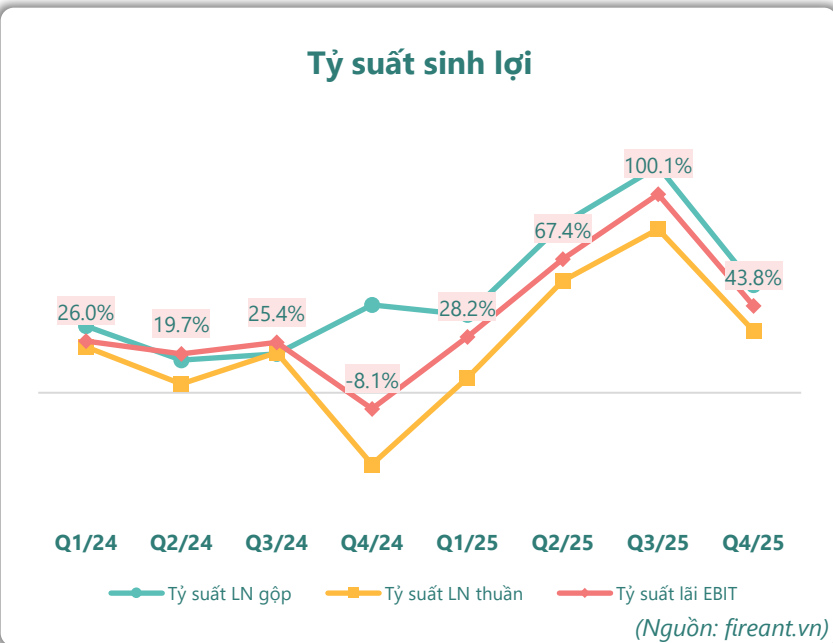
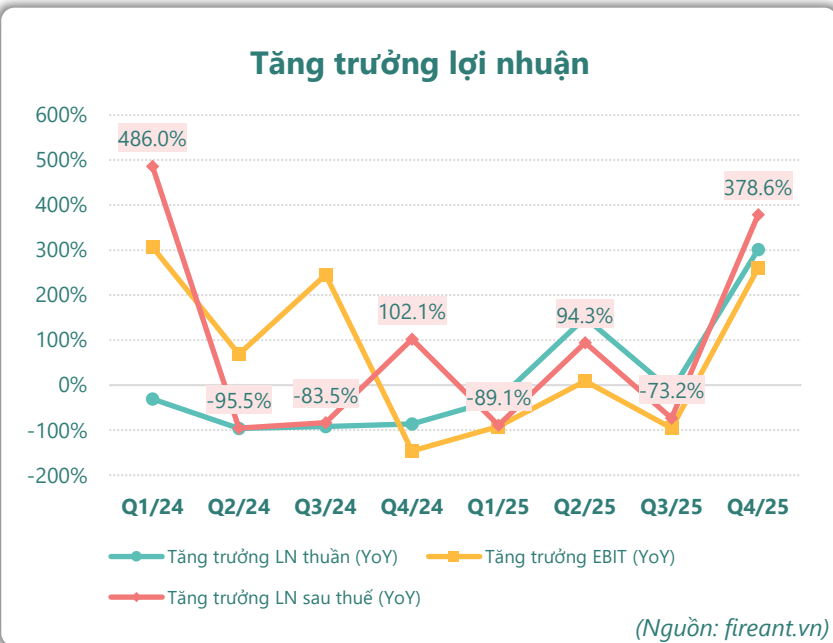
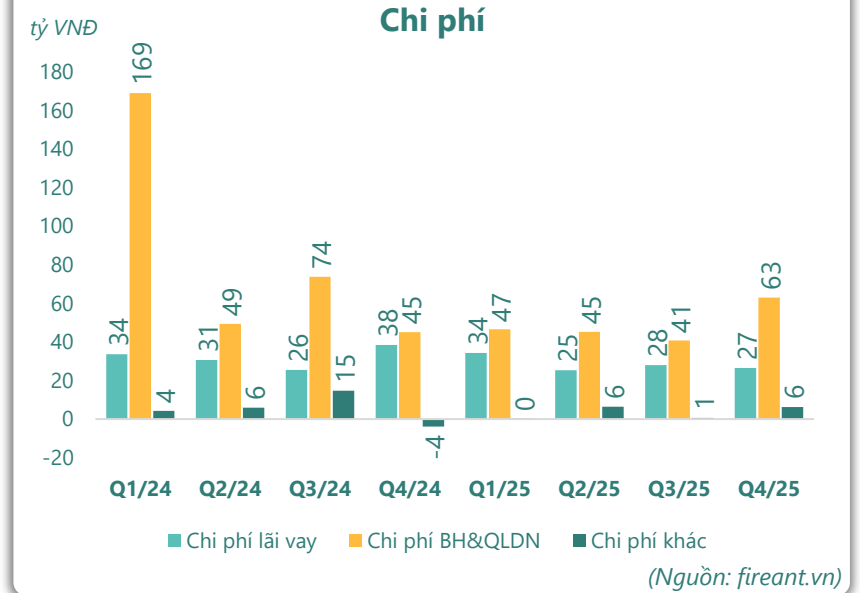
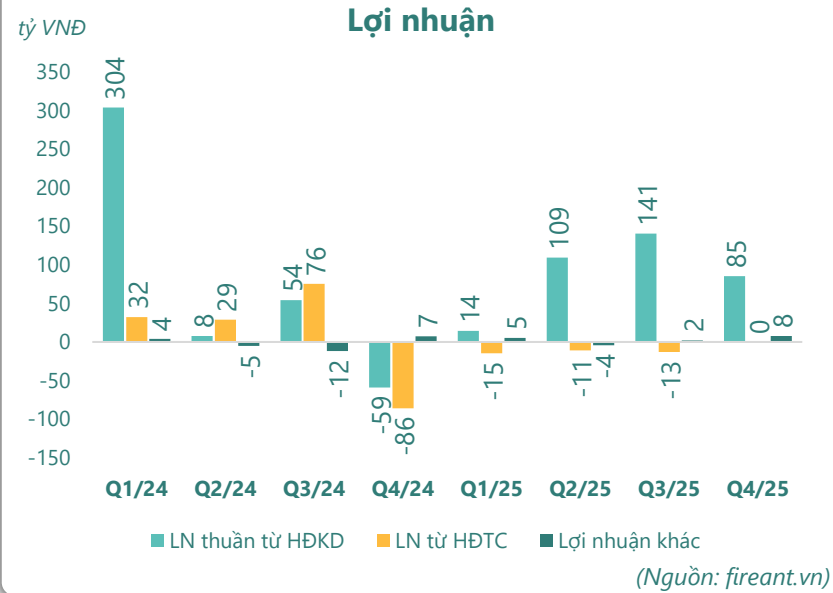
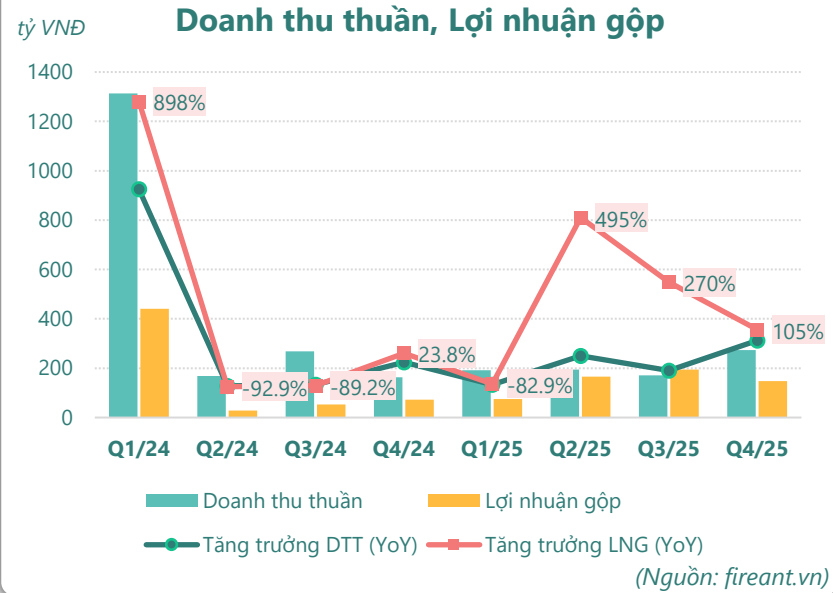
DT thuần 2025	829
tỷ VNĐ	
YoY: ▼1,084 -56.7%	

LN thuần 2025	349
tỷ VNĐ	
YoY: ▲ 42.0 13.9%	

LN sau thuế 2025	379
tỷ VNĐ	
YoY: ▲ 118 45.1%	



KẾT QUẢ KINH DOANH



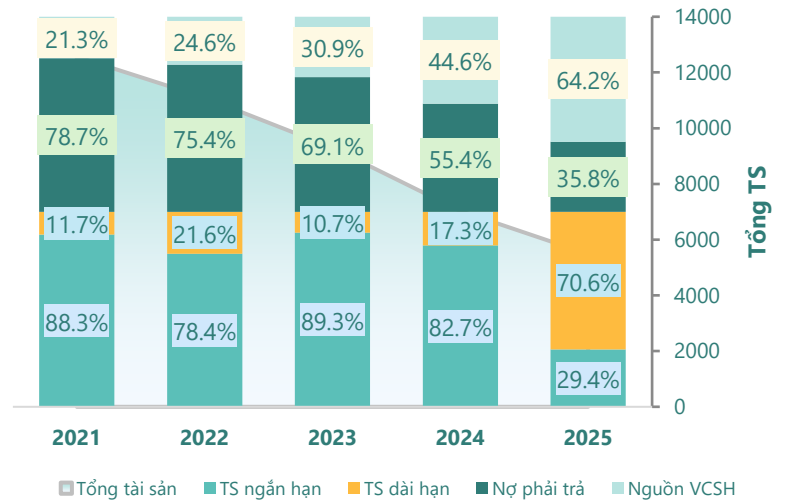


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

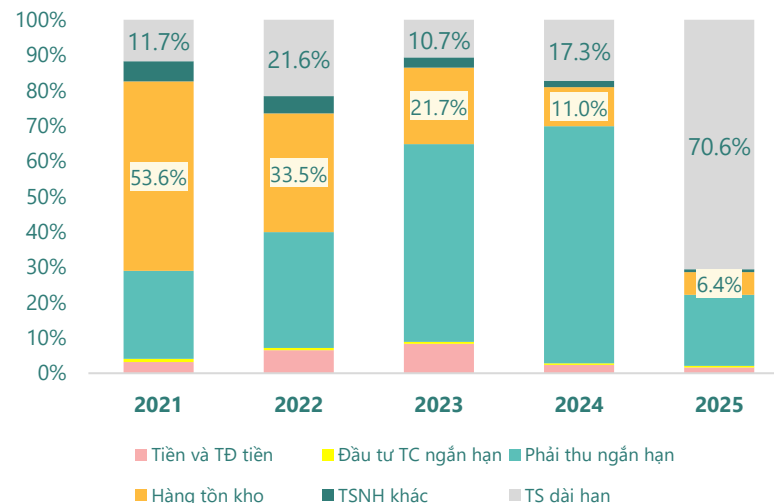
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

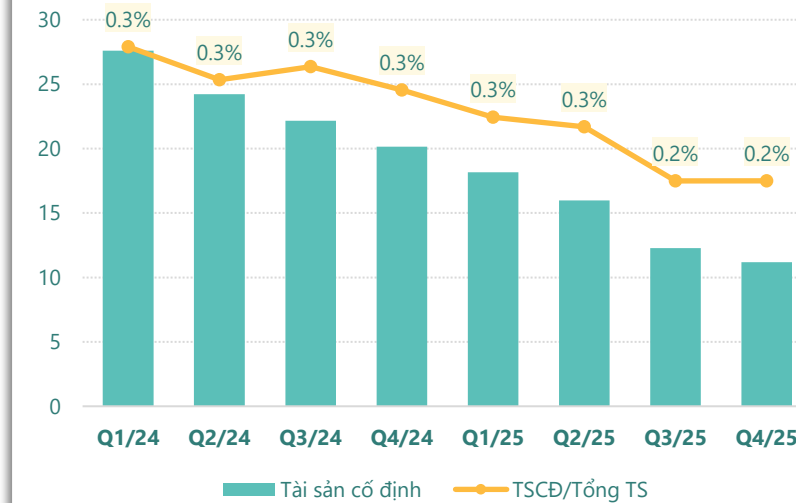
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

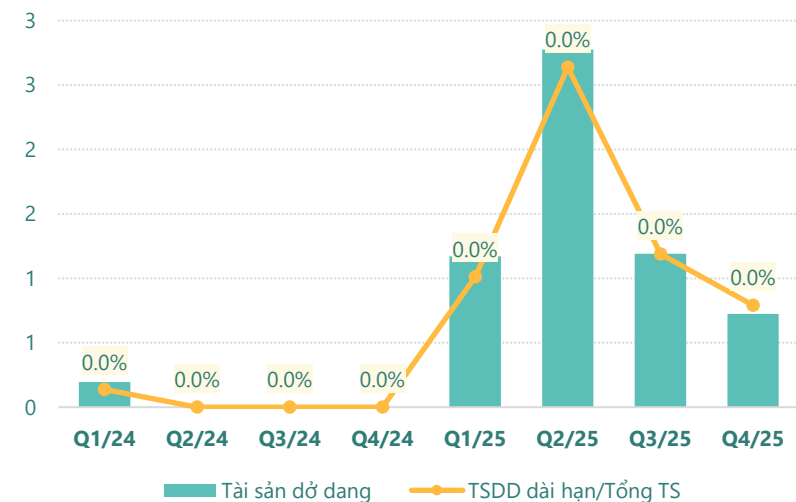
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

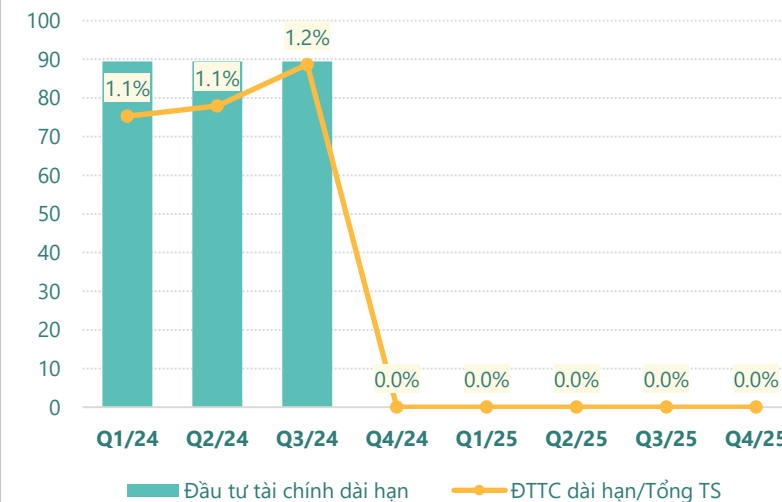
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

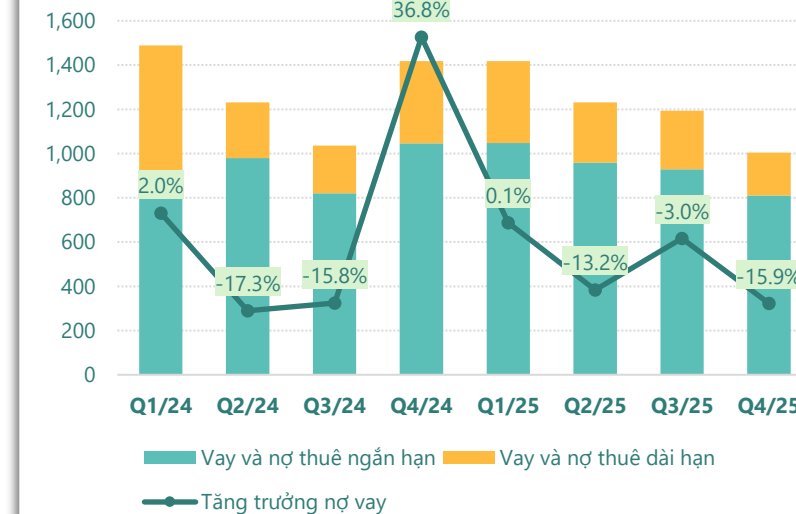
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

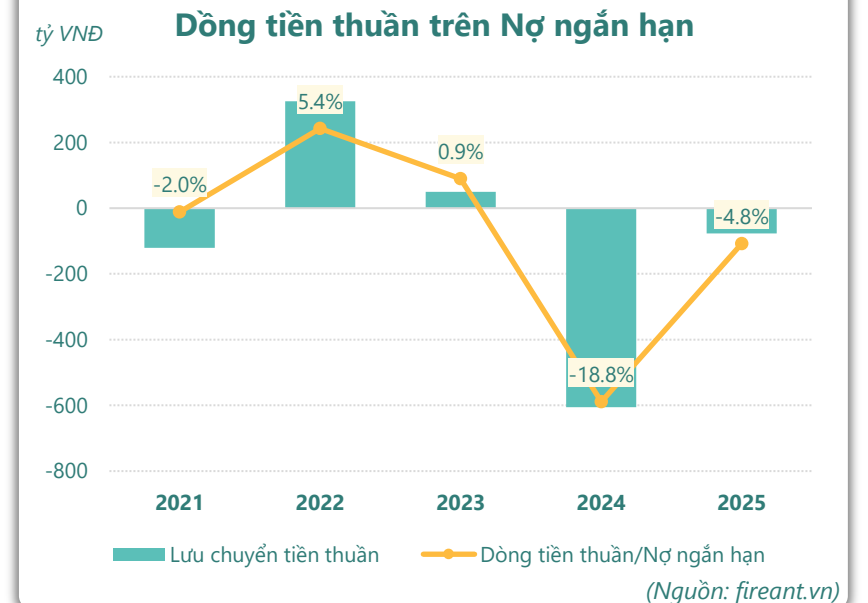
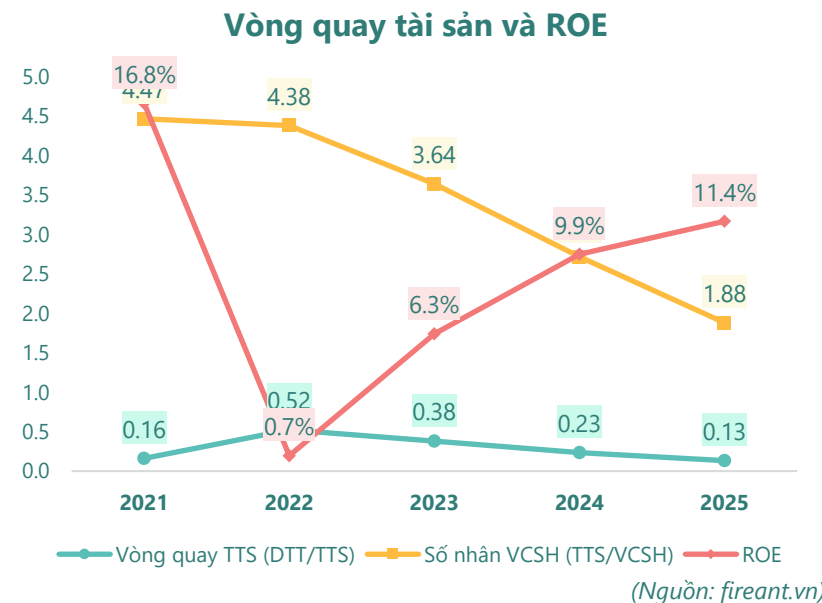
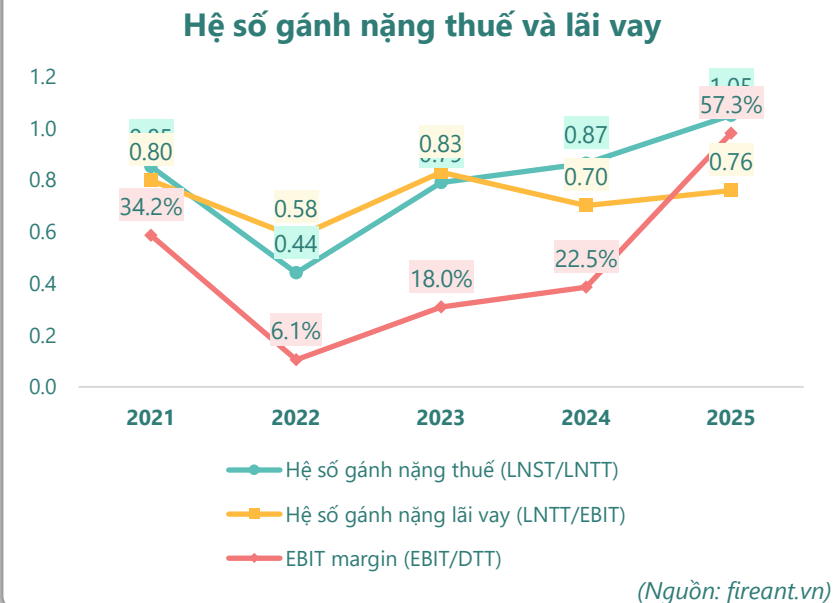
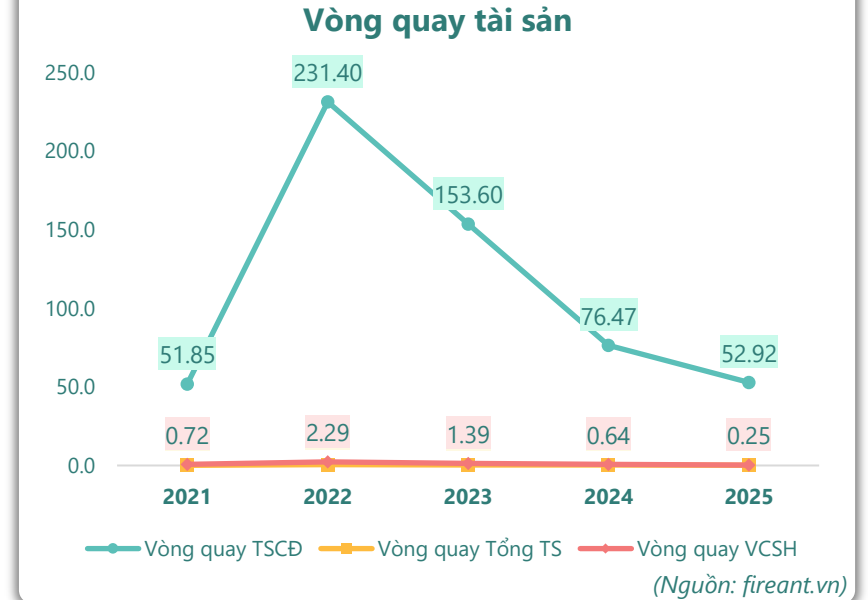
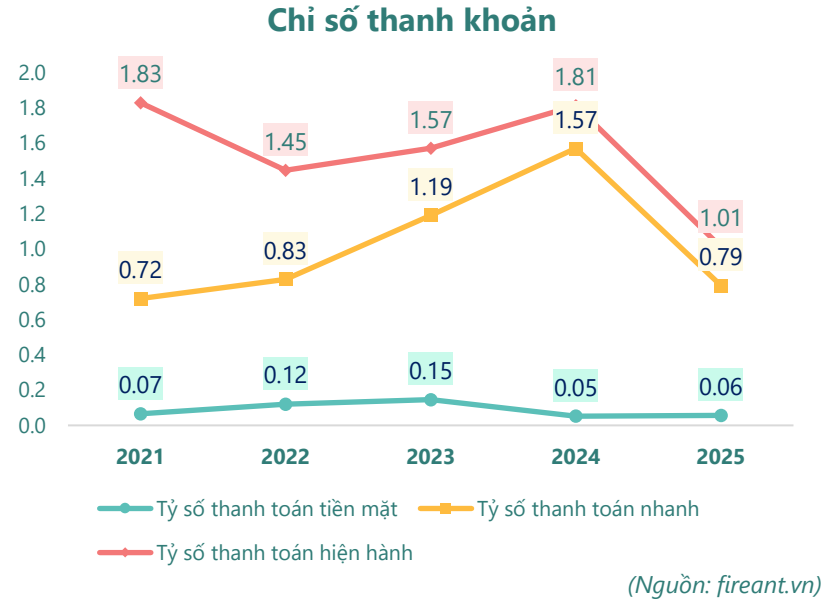
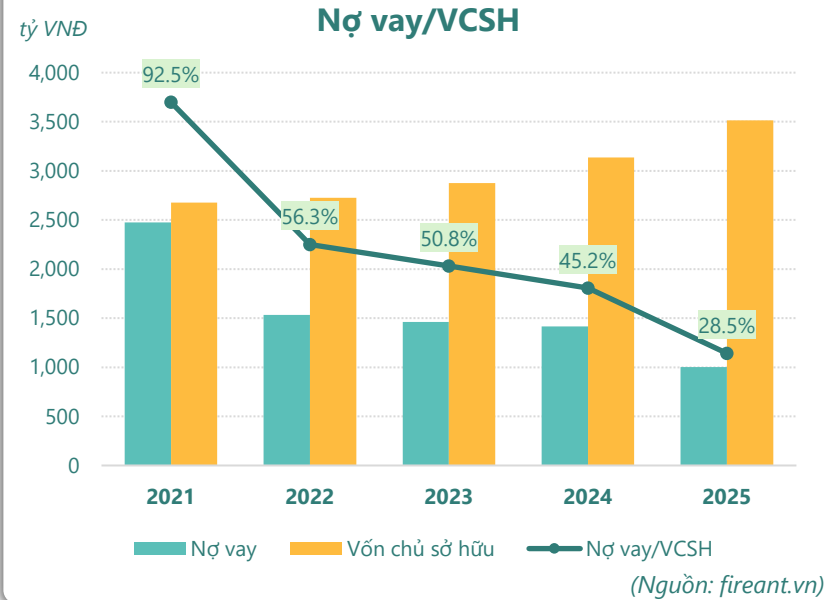
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	273	163	67.5%	829	1,913	-56.7%
Giá vốn hàng bán	125	91.0	37.3%	246	1,320	-81.4%
Lợi nhuận gộp	148	72.2	105%	583	593	-1.7%
Doanh thu HĐTC	27.3	72.6	-62.5%	110	381	-71.2%
Chi phí TC	27.2	159	-82.9%	148	331	-55.1%
Chi phí lãi vay	26.6	38.4	-30.8%	114	128	-10.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	43.7	29.9	46.2%	124	246	-49.7%
Chi phí QLDN	19.2	15.2	26.6%	71.6	91.2	-21.4%
LN thuần từ HĐKD	85.2	-59.0	244%	349	307	13.9%
Lợi nhuận khác	7.76	7.40	4.8%	11.0	-5.21	311%
LN trước thuế	93.0	-51.6	280%	360	302	19.5%
Lợi nhuận sau thuế	179	21.1	750%	379	261	45.1%
LNST của CĐ cty mẹ	179	47.5	278%	379	298	27.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-774	-80.1	-116	-7.73	-811	691
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	828	22.0	134	66.6	834	-434
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-166	125	-7.61	-197	-40.9	-188
Tiền đầu kỳ	212	100	167	178	39.4	22.0
Lưu chuyển tiền thuần	-112	66.8	10.5	-138	-17.3	68.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	100	167	178	39.4	22.0	90.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,477	7,035	-22.2%
Tài sản ngắn hạn	1,610	5,819	-72.3%
Tiền và tương đương tiền	90.8	167	-45.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.1	30.1	-26.6%
Phải thu ngắn hạn	1,104	4,717	-76.6%
Hàng tồn kho	348	776	-55.2%
Tài sản ngắn hạn khác	45.5	128	-64.5%
Tài sản dài hạn	3,867	1,216	218%
Phải thu dài hạn	3,817	1,087	251%
Tài sản cố định	11.2	20.2	-44.5%
Bất động sản đầu tư	22.9	31.8	-27.9%
Tài sản dở dang	0.72	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	14.8	77.6	-80.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,962	3,898	-49.7%
Nợ ngắn hạn	1,591	3,211	-50.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	811	1,046	-22.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.4	286	-92.2%
Nợ dài hạn	371	688	-46.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	193	371	-48.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,515	3,137	12.0%
Vốn chủ sở hữu	3,515	3,137	12.0%
Vốn điều lệ	1,625	1,625	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

